

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2025
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu;
2. Ông Nguyễn Như Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh –Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 568/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Diễm Q, sinh năm 1967; địa chỉ: Số D N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Có đơn vắng mặt;

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1961; địa chỉ: Số D N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2024, các bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Đinh Thị Diễm Q trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết số 571KH/94, quyền số 01/P7 do U, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/1994.

Mặc dù đã kết hôn được 30 năm nhưng cuộc hôn nhân của ông bà đã không tồn tại từ hơn 10 năm trước. Nguyên nhân là do ông H xem thường bà và thường xuyên có những lời nói xúc phạm đến nhân phẩm của bà rất nặng nề. Ông H còn dạy các con xúc phạm, chửi bới bà trong khi bản thân bà đang bị bệnh nan y. Thời gian của bà không còn nhiều để bà được bình yên. Bà thực sự không còn tình cảm với ông H, không thể tiếp tục sống với ông H nên bà tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu H

- Về con chung: có 02 người con chung họ tên là Nguyễn Hữu Quỳnh N, sinh năm 1995 và Nguyễn Hữu Quỳnh N1 sinh năm 2000. Cả hai người con đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

Bà Q cam kết không còn tài liệu, chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án và xác nhận việc ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa nhưng không đến làm việc cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 nhưng bị đơn ông Nguyễn Hữu H vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Đinh Thị Diễm Q yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hữu H hiện đang trú tại địa chỉ số D N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Đ a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh:

Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Nguyễn Hữu H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[1.3] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hữu H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Giấy triệu tập tham gia

phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; tuy nhiên vẫn vắng mặt không lý do. Nên, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Diễm Q yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 571KH/94, Quyền số 01/P7, ngày 10/9/1994 của Ủy ban nhân dân Phường U, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thì có đủ cơ sở để xác định bà Đinh Thị Diễm Q và ông Nguyễn Hữu H là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà Đinh Thị Diễm Q và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1994 sau khi sống chung hạnh phúc được hơn 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà Diễm Q xác định là do ông H không tôn trọng bà, thường xuyên có lời nói xúc phạm đến nhân phẩm của bà rất nặng nề. Thời gian 30 năm sống với ông H nhưng cuộc hôn nhân của ông bà đã không còn tồn tại từ hơn 10 năm trước. Bà không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không thể tiếp tục chung sống với ông H được.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Hữu H vẫn không đến Tòa án làm việc. Điều này thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng quan hệ hôn nhân bền vững.

Việc xây dựng hàn gắn gia đình phải xuất phát từ hai phía nhưng rõ ràng bà Q, ông H không còn yêu thương, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa hai người cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau nên yêu cầu ly hôn của bà Q là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh số 127/1995 Quyền số 01 đăng ký ngày 14/5/1995 và bản sao Giấy khai sinh số 266/2000 Quyền số 02 đăng ký ngày 04/12/2000 tại U1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và lời trình bày của bà Q, có đủ cơ sở xác định bà Đinh Thị Diễm Q và ông Nguyễn Hữu H 02 con chung tên Nguyễn Hữu Quỳnh N, sinh ngày 16/4/1995 và Nguyễn Hữu Quỳnh N1, sinh ngày 24/10/2000. Các con của bà Q và ông H đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: bà Đinh Thị Diễm Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về nợ chung: bà Đinh Thị Diễm Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đinh Thị Diễm Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: bà Đinh Thị Diễm Q, ông Nguyễn Hữu H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 93, Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn bà Đinh Thị Diễm Q và bị đơn ông Nguyễn Hữu H.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đinh Thị Diễm Q và ông Nguyễn Hữu H (Giấy chứng nhận kết hôn số 571KH/94, Quyền số 01/P7 do Ủy ban nhân dân Phường U, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/9/1994).

2.2. Về con chung: Bà Đinh Thị Diễm Q và ông Nguyễn Hữu H có 02 người con chung họ tên là Nguyễn Hữu Quỳnh N, sinh năm 1995 và Nguyễn Hữu Quỳnh N1 sinh năm 2000. Cả hai người con đều đã trưởng thành.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4. Về nợ chung: Không có.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị Diễm Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23P số 0019907 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, bà Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Bà Đinh Thị Diễm Q và ông Nguyễn Hữu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND phường 7, Quận 5, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Thanh).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang